

Bản án số: 12/2022/HC-ST

Ngày: 07/4/2022

*“Hủy quyết định hành chính về
thực hiện chế độ chính sách ưu
đãi đối với thân nhân liệt sĩ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm

Ông Nguyễn Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 50/2021/TLST-HC ngày 21/12/2021 về việc *“Hủy quyết định hành chính về thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HC ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1939; Địa chỉ: Khu phố Ngô Quyền, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 02 Tổ Hữu Phường 9, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức T, Phó giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kh1, sinh năm 1936; Địa chỉ: Thôn Mỹ Thạnh Đ, xã Hòa Ph, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kh2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn Phú L, xã Hòa Th,

thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã Hòa Ph, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Hòa Th, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có đơn xin vắng mặt.

3.7. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sông H, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Th3 - Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sông H. Có mặt.

3.8. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Tây H, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Duy Văn H2 - Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Tây H. Có mặt.

3.9. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh T3 - Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thị xã Đông H. Có mặt.

3.10. Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, thanh tra viên Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/12/2021 cũng như tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn X trình bày:

Trước năm 1988, gia đình tôi sống tại xã Hòa Th, huyện Đông H, tỉnh Phú Yên. Anh trai tôi là liệt sĩ Nguyễn Đức Th (hi sinh năm 1966), Bằng TQGC số BN 426^k, Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ do Ty Thương binh và xã hội tỉnh Phú Khánh cấp ngày 11/3/1982 với 03 người thân được hưởng chế độ ưu đãi gia đình liệt sĩ gồm: Nguyễn Kh1 (cha đẻ); Nguyễn Thị K (mẹ đẻ); Nguyễn Thị Kh2 (con đẻ). Năm 1967, vợ ông Th là bà Nguyễn Thị Kh1 đã tái giá và chuyển hộ khẩu đến xã Hòa Ph huyện Tây H nên tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Kh2 từ lúc 01 tuổi đến lúc bà Kh2 lập gia đình và hiện bà Kh2 đang ở tại xã Hòa Th, thị xã Đông H. Bà Nguyễn Thị K là người nhận chế độ trợ cấp tuất liệt sĩ Nguyễn Đức Th hàng tháng, nhưng không biết lý do gì từ năm 1996 bà Kh1 là người nhận chế độ này, trong khi đó năm 1999 bà Kéo mới mất.

Ngày 15/5/2019, tôi có đơn kiến nghị gửi UBND xã Hòa Th và Ban Thương binh xã hội xã Hòa Th về việc kiến nghị xem xét việc giải quyết chế độ liệt sĩ Nguyễn Đức Th và ngày 21/5/2019, UBND xã Hòa Th có văn bản số 106/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn X. Sau khi nhận được văn bản này tôi có đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký của tôi (Nguyễn Văn X) trong các biên bản họp họ tộc và đơn xin hưởng chế độ trợ cấp của liệt sĩ Nguyễn Đức Th của bà Nguyễn Thị Kh1 nhưng không được các sở ban ngành chấp nhận.

Ngày 20/8/2021, tôi nhận được văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên về việc trả lời đơn khiếu nại của tôi. Sau khi nhận được văn bản này tôi không đồng ý với nội dung trong văn bản này vì: (1) tôi cho rằng Sở Lao động thương binh và xã hội đã chi trả chế độ tuất hàng tháng cho cả mẹ liệt sĩ Thắng (bà Kéo) và vợ liệt sĩ Thắng (bà Kh1) là không đúng quy định; (2) Việc Sở LĐTBXH giải quyết cho vợ liệt sĩ Thắng (bà Kh1) được hưởng chế độ ưu đãi cho vợ liệt sĩ lấy chồng khác là không đúng vì bà Kh1 không có nuôi dưỡng con liệt sĩ (bà Kh2); không phụng dưỡng mẹ liệt sĩ (bà Kéo) mà tôi mới là người trực tiếp nuôi con và phụng dưỡng mẹ liệt sĩ Nguyễn Đức Th. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi các vấn đề sau:

- Không công nhận và hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên;

- Không công nhận việc chi trả chế độ ưu đãi vợ liệt sĩ tái giá cho bà Nguyễn Thị Kh1 vì bà Kh1 không đủ điều kiện được hưởng theo quy định;

- Đề nghị xem xét giải quyết cho ông Nguyễn Văn X được hưởng chế độ tuất liệt sĩ đối với Liệt sĩ Nguyễn Đức Th theo quy định.

Người bị kiện Giám đốc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên trình bày:

Hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Đức Th sinh năm 1940 (1937), hi sinh ngày 06/6/1966 thể hiện như sau:

Cha đẻ liệt sĩ: Ông Nguyễn Kh1, sinh năm 1907 (đã từ trần)

Mẹ đẻ liệt sĩ: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1920 (đã từ trần);

Vợ liệt sĩ đã lấy chồng khác: Bà Nguyễn Thị Kh1, sinh năm 1936

Con đẻ liệt sĩ: Bà Nguyễn Thị Kh2, sinh năm 1966;

Em ruột liệt sĩ: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1939;

Em ruột liệt sĩ: Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1942.

Năm 1996, bà Kh1 lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp đối với vợ liệt sĩ lấy chồng khác ngày 12/9/1996 và biên bản họp họ tộc, gia đình liệt sĩ thống nhất cho bà Kh1 hưởng trợ cấp vợ liệt sĩ lấy chồng khác được UBND xã Hòa Ph công nhận ngày 13/9/1996. Căn cứ đề nghị của UBND xã Hòa Ph, Phòng LĐTBXH huyện Tuy H, hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Đức Th và Điều 19 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định: Gia đình của liệt sĩ gồm những thân nhân của liệt sĩ quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh, được cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và hưởng chế độ ưu đãi là: Vợ (hoặc chồng) liệt sĩ là người kết hôn hợp pháp hoặc thực tế là vợ hoặc chồng liệt sĩ được nhân dân cơ quan có thẩm quyền thừa nhận. Trường hợp vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng ở vào một trong hai hoàn cảnh sau đây nếu được gia đình liệt sĩ thừa nhận và UBND xã, phường công nhận thì cũng được giải quyết chế độ ưu đãi: Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng vẫn nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc vẫn phụng dưỡng bố, mẹ liệt sĩ... Đồng thời tại Điều 9 của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29/8/1994

quy định gia đình liệt sĩ gồm những thân nhân liệt sĩ: Vợ hoặc chồng, con, cha mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ. Theo Giấy xác nhận gia đình liệt sĩ Nguyễn Đức Th do Ty Lao động thương binh và xã hội tỉnh Phú Khánh cấp tháng 3/1982 thì gia đình liệt sĩ Thắng có 03 thân nhân là ông Nguyễn Kh1 (cha đẻ liệt sĩ, thời điểm họp gia đình liệt sĩ năm 1996 đã từ trần), bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ liệt sĩ), bà Nguyễn Thị Kh2 (con đẻ liệt sĩ).

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, trường hợp đề nghị được hưởng chế độ ưu đãi của vợ liệt sĩ lấy chồng khác của bà Nguyễn Thị Kh1 đã được gia đình liệt sĩ là bà Kéo và bà Kh2 thừa nhận và UBND xã Hòa Th công nhận. Từ những cơ sở nêu trên, Sở LĐTBXH tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết chế độ trợ cấp vợ liệt sĩ lấy chồng khác đối với bà Kh1 là đúng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/CP; việc ông Nguyễn Văn X là em của liệt sĩ Thắng có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cho bà Kh1 được hưởng chế độ ưu đãi của vợ liệt sĩ lấy chồng khác thì không ảnh hưởng đến việc giải quyết chế độ cho bà Kh1, cũng như không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông X.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công cách mạng ngày 09/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021, thân nhân được hưởng chế độ ưu đãi bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi liệt sĩ. Do vậy, ông Nguyễn Văn X là em của liệt sĩ nên không đủ điều kiện được hưởng chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kh1 trình bày tại Đơn trình bày ngày 21/02/2022 và tại phiên tòa như sau:

Bản thân tôi được hưởng chế độ ưu đãi của vợ liệt sĩ lấy chồng khác theo đúng quy định của pháp luật; tôi cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng con của liệt sĩ Nguyễn Đức Th là bà Nguyễn Thị Kh2. Trong quá trình nuôi bà Kh2 có một thời gian tôi bị tù đầy nên có gửi bà Kh2 cho ông bà nội nuôi, ngoài ra không có ai là người nuôi dưỡng bà Kh2 nữa hết; việc ông X khai có nuôi dưỡng bà Kh2 là không đúng sự thật.

Bà Nguyễn Thị Kh2 trình bày tại Đơn trình bày ngày 21/02/2022 và đơn ngày 01/4/2022 như sau:

Tôi là con ruột của liệt sĩ Nguyễn Đức Th; hiện tôi đang được hưởng các chế độ ưu đãi của nhà nước dành cho thân nhân của liệt sĩ như sau: Tiền quà kỉ niệm 27/7 hàng năm; tiền thờ cúng liệt sĩ hàng năm; tiền quà tết hàng năm; Bảo hiểm y tế xã hội. Ngoài ra tôi còn có thẻ chứng nhận con của liệt sĩ; Bằng tổ quốc ghi công liệt sĩ Nguyễn Đức Th nhưng chú tôi là ông Nguyễn Văn X đang giữ và không trả lại cho tôi. Bản thân tôi được mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Kh1 nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến lúc tôi lấy chồng chứ không phải do ông Nguyễn Văn X nuôi dưỡng. Hiện nay tôi bị tê liệt hai chân, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt

Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Sông H (Theo Văn bản số 03/LĐTBXH ngày 05/01/2022 – BL 60) và tại phiên tòa trình bày:

Hiện nay Phòng LĐTBXH huyện Sông H không lưu trữ hay chi trả chế độ ưu đãi cho thân nhân của liệt sĩ Nguyễn Đức Th nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Tây H (Theo Công văn số 61/UBND-LĐTBXH ngày 14/01/2020 – BL 99) trình bày:

Theo đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn X về việc xây dựng hồ sơ đề nghị hưởng chế độ liệt sĩ tái giá của bà Nguyễn Thị Kh1 là do UBND xã Hòa Th, huyện Đông H xây dựng và đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh Phú Yên quyết định; vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Tây H.

Phòng Lao động TBXH huyện Tây H (Theo Công văn số 20/LĐTBXH ngày 08/02/2022- BL100) và tại phiên tòa trình bày:

Phòng LĐTBXH không thực hiện việc quản lý hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi của bà Nguyễn Thị K (mẹ liệt sĩ Nguyễn Đức Th) và hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi của bà Nguyễn Thị Kh1 (vợ liệt sĩ Nguyễn Đức Th); Đối với việc không công nhận và hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên, UBND thị xã Đông H không có ý kiến; việc thực hiện chế độ trợ cấp liệt sĩ lấy chồng khác đối với bà Nguyễn Thị Kh1 là đúng quy định tại Điều 19 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ; đối với việc ông Nguyễn Văn X đề nghị được hưởng chế độ tuất liệt sĩ Nguyễn Đức Th là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân thị xã Đông H (Theo Công văn số 231/UBND-LĐTBXH ngày 12/01/2022 – BL 71) trình bày:

Đối với việc không công nhận và hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên, UBND thị xã Đông H không có ý kiến.

Việc thực hiện chế độ trợ cấp liệt sĩ lấy chồng khác đối với bà Nguyễn Thị Kh1 là đúng quy định tại Điều 19 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ.

Đối với việc ông Nguyễn Văn X đề nghị được hưởng chế độ tuất liệt sĩ Nguyễn Đức Th là không có cơ sở.

Phòng Lao động TBXH thị xã Đông H (Theo Công văn số 10/LĐTBXH ngày 20/01/2022 – BL 75) và tại phiên tòa trình bày:

Phòng LĐTBXH không thực hiện việc quản lý hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Đức Th; Đối với việc không công nhận và hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên, Phòng LĐTBXH thị xã Đông H không có ý kiến; việc thực hiện chế độ trợ cấp liệt sĩ lấy chồng khác đối với bà Nguyễn Thị Kh1 là đúng quy định tại Điều 19 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ; đối với việc ông Nguyễn Văn X đề nghị được hưởng chế độ tuất liệt sĩ Nguyễn Đức Th là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân xã Hòa Th, thị xã Đông H (Theo Văn bản số 08/UBND ngày 10/01/2022 – BL 73) trình bày:

Ngày 15/5/2019, UBND xã Hòa Th có tiếp nhận đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn X về việc xem xét hồ sơ hưởng suất liệt sĩ của bà Nguyễn Thị Kh1; ngày 21/5/2019, UBND xã Hòa Th đã có văn bản trả lời số 106/UBND cho ông X được biết là UBND xã Hòa Ph là cơ quan đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp liệt sĩ cho bà Nguyễn Thị Kh1. Ngày 09/6/2019 UBND xã Hòa Th cử công chức Tư pháp – Hộ tịch trực tiếp làm việc với ông Nguyễn Văn X; ngày 10/6/2019 ông X tiếp tục có đơn kiến nghị gửi TBXH xã nên UBND xã Hòa Th đã có Công văn số 113/UBND ngày 11/6/2019 trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn X. Ngày 06/8/2019 UBND xã Hòa Th có mời ông X đến làm việc và hướng dẫn cho ông X khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết vì UBND xã Hòa Th chỉ có trách nhiệm trong việc xác nhận vào biên bản họp họ tộc ngày 20/9/1996; còn các vấn đề khiếu nại khác của ông Nguyễn Văn X không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Hòa Th.

Việc ông Nguyễn Văn X đề nghị xem xét giải quyết được hưởng chế độ suất liệt sĩ đối với liệt sĩ Nguyễn Đức Th là không phù hợp vì căn cứ khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBNTVQH11 ngày 29/6/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông X không thuộc diện được hưởng chế độ suất liệt sĩ theo quy định.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X vì không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/12/2021 người khởi kiện ông Nguyễn Văn X yêu cầu hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên và yêu cầu không công nhận việc chi trả chế độ ưu đãi vợ liệt sĩ tái

giá cho bà Nguyễn Thị Kh1 vì bà Kh1 không đủ điều kiện được hưởng theo quy định; yêu cầu xem xét giải quyết cho ông Nguyễn Văn X được hưởng chế độ tuất liệt sĩ đối với Liệt sĩ Nguyễn Đức Th theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý để giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

3.1 Về việc chi trả chế độ ưu đãi vợ liệt sĩ tái giá cho bà Nguyễn Thị Kh1:

Theo hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Đức Th sinh năm 1940 (1937), hi sinh ngày 06/6/1966 thì bà Nguyễn Thị Kh1 là vợ của liệt sĩ Nguyễn Đức Th. Năm 1966 bà Kh1 tái giá và có làm hồ sơ xin được hưởng chế độ ưu đãi của vợ liệt sĩ lấy chồng khác và được gia đình liệt sĩ là bà Kéo và bà Kh2 thừa nhận và UBND xã Hòa Th công nhận.

Theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ quy định: *“Trường hợp vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng ở vào một trong hai hoàn cảnh sau đây nếu được gia đình liệt sĩ thừa nhận và Ủy ban nhân dân xã, phường công nhận thì cũng được giải quyết hưởng chế độ ưu đãi: Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác nhưng vẫn nuôi con của liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc vẫn phụng dưỡng bố mẹ liệt sĩ”*.

Nên việc Sở LĐTBXH tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết chế độ trợ cấp vợ liệt sĩ lấy chồng khác đối với bà Kh1 là đúng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ. Vì vậy, không có căn cứ để hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên

3.2 Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn X yêu cầu được hưởng chế độ tuất liệt sĩ đối với Liệt sĩ Nguyễn Đức Th theo quy định.

Theo khoản 2 Điều 3 của Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng quy định: *“Thân nhân của người có công cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ”*.

Khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh số: 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định:

“3. Trợ cấp tuất hằng tháng đối với những người sau đây:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng, người có công nuôi liệt sĩ; trường hợp có nhiều liệt sĩ thì theo các mức thân nhân của hai liệt sĩ, thân nhân của ba liệt sĩ trở lên”

Theo Giấy xác nhận gia đình liệt sĩ Nguyễn Đức Th do Ty Lao động thương binh và xã hội tỉnh Phú Khánh cấp tháng 3/1982 thì gia đình liệt sĩ Thắng có 03 thân nhân: là ông Nguyễn Kh1 (cha đẻ liệt sĩ, thời điểm hợp gia đình liệt sĩ năm 1996 đã từ trần), bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ liệt sĩ), bà Nguyễn Thị Kh2 (con đẻ liệt sĩ).

Như vậy, theo quy định của Pháp lệnh số: 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Văn X (là em của liệt sĩ Nguyễn Đức Th) không phải là đối tượng được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của liệt sĩ Nguyễn Đức Th.

Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X mà chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn X là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 19 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính Phủ; Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh số: 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với các yêu cầu:

- Không công nhận và hủy Văn bản số 717/SLĐTBXH-TTr ngày 18/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên;

- Không công nhận việc chi trả chế độ ưu đãi vợ liệt sĩ tái giá cho bà Nguyễn Thị Kh1 vì bà Kh1 không đủ điều kiện được hưởng theo quy định;

- Đề nghị xem xét giải quyết cho ông Nguyễn Văn X được hưởng chế độ tuất liệt sĩ đối với Liệt sĩ Nguyễn Đức Th theo quy định.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn X là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh